

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Số: 184/BC-ĐĐTМ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2013

Một số thông tin cơ bản về Công ty

- Tên công ty:

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN.

+ Tên tiếng Anh: VINACOMIN-TRANSPORTATION AND MINER COMMUTING SERVICE JOINT STOCK COMPANY (TMCS).

+ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN.

+ Tên viết tắt: ĐĐTМ

+ Biểu tượng công ty:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700477326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 18 tháng 01 năm 2013.

- Trụ sở chính: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, Cẩm Phả, QN

- Điện thoại: 0333 862 343

- Fax : 0333 864. 038

- Website : www.tmcs.vn

- Email : vpgd@tmcs.vn

Vốn điều lệ : 16.800.000.000 (Mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng)

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ tiền thân là Xí nghiệp Vận tải hành khách được thành lập ngày 01/01/1987 theo quyết định số 628 TCP/TCCB, là đơn vị trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả.

Năm 2000, Xí nghiệp trực thuộc Công ty Vật tư Vận tải và xếp dỡ theo quyết định số 22/2000/QĐ-BCN ngày 05/4/2000 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01/01/2004 Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ theo quyết định số 2910/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2003 của HĐQT Tổng công ty Than Việt Nam, nay là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty có 12 cổ đông, gồm Tập đoàn và 11 cổ đông là các công ty con của Tập đoàn.

Tháng 7/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomín và cơ cấu lại cổ đông. Theo đó, Công ty có 693 cổ đông, gồm Tập đoàn và 692 cổ đông khác là người lao động trong công ty.

Từ tháng 12/2011, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 4033/UBCK-QLPH ngày 30/11/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành nghề
1	Vận tải hành khách đường bộ khác
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4	Khai thác và thu gom than cứng - Chế biến và kinh doanh than
5	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
8	Điều hành tua du lịch
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+ Tình hình hoạt động: Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty đã chấp hành đầy đủ các quy định về ngành nghề theo đăng ký kinh doanh.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD luôn chú trọng an toàn đưa đón công nhân. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu lực quản lý và chất lượng phục vụ; xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông; đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, đời sống cho CNCB trong Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Duy trì, mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân vùng Cẩm phá và tiếp tục mở rộng tại vùng TP Hạ long, khu vực Uông Bí. Xây dựng cơ sở vật chất tại khu vực Uông Bí để ổn định sản xuất lâu dài. Duy trì và mở rộng dịch vụ tham quan du lịch, đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu đi lại của công nhân mỏ và nhân dân trong vùng. Nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân, dịch vụ vận chuyển than và dịch vụ sửa chữa xe; liên kết với các đối tác để khai thác hệ thống bến xe cũng như các thế mạnh của Công ty theo chiến lược phát triển của công ty đã đề ra trong lộ trình năm 2014 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

+ Xây dựng văn hoá doanh nghiệp: Với đội ngũ CBCNV có đủ trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, làm chủ được thiết bị công nghệ; có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, với tinh thần kỷ luật và đồng tâm cùng nhau xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững. Làm tốt công tác tuyên truyền văn hóa, tuyên truyền AT - BHLĐ trên xe chở công nhân.

+ Sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả, doanh thu năm sau cao hơn năm trước, dịch vụ đưa đón công nhân luôn tăng trưởng và mở rộng với chất lượng phục vụ ngày một nâng cao.

+ Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành vận tải ô tô và sửa chữa thiết bị xe trung xa; những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để có phương án điều chỉnh kịp thời.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức:

Hội đồng quản trị công ty gồm 03 uỷ viên :

1. Ông Lê Quang Bình, Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Phan Văn Cường, Uỷ viên HĐQT, Giám đốc điều hành;
3. Hoàng Minh Sơn, Uỷ viên HĐQT, Phó giám đốc.

Các Thành viên HĐQT đều phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

2. Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, các quy chế, hướng dẫn của Tập đoàn và quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật; đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Trong năm 2013, HĐQT đã chỉ đạo 01 lần Đại hội đồng cổ đông bất thường, 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên và 15 lần họp toàn thể (có 04 lần họp thường kỳ, 11 lần họp phát sinh để giải quyết các vấn đề liên quan trong sản xuất) và ban hành 11 Nghị quyết để chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Ban hành, sửa đổi các quy chế quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: Khoán - Quản trị chi phí, nội quy lao động... phù hợp với các quy định của Tập đoàn và của Nhà nước. Do đó, các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, thực hiện chính sách chủ chương của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty luôn được thực hiện nghiêm theo sự chỉ đạo của Tập đoàn, được các cấp đánh giá cao.

3. Công tác Đầu tư phát triển

Trong năm 2013, Công ty thực hiện một hạng mục, thuộc dự án chuyển tiếp của năm 2012 và các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2013, đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.


Trong quá trình thực hiện đấu thầu như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tài, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước.

Trong năm công ty đã đầu tư 39 xe ô tô đưa đón công nhân và 01 xe cầu tự hành nhằm nâng cao chất lượng thiết bị đưa đón công nhân mỏ và phát triển, mở rộng SXKD. Đến nay, 100% xe ô tô của Công ty đã được trang bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị nghe nhìn đáp ứng nhu cầu đưa đón công nhân các mỏ theo chủ trương của Tập đoàn.

Năm 2013, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 60.504 triệu đồng.

4. Công tác bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổng tài sản thời điểm 31/12/2013 là 205.543 triệu đồng bằng 112,2% so với đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu 32.394 triệu đồng, bằng 95,8% so với đầu năm. Vốn đầu tư chủ sở hữu là 16,8 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 15,26 %. Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu: 534,50%.

- Thực hiện đầy đủ chính sách thuế với Nhà nước, các chế độ chi trả BHXH, BHYT, KPCĐ, ... liên quan tới người lao động. Duy trì thực hiện tốt đối chiếu và thanh toán công nợ, đến nay không có trường hợp nợ khó đòi. Năm 2013 đã nộp ngân sách với Nhà nước 13.992 triệu đồng và trích nộp các quỹ đóng góp với Tập đoàn theo quy định. 

5. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013		TH/KH (%)	2013/2012 (%)
			KH (HDQT)	TH		
I	SẢN LƯỢNG					
1	V/c Công nhân					
	- Theo vé	Vé	5.800.000	5.944.878	102,5	103,2
	- Theo Tkm	Tkm	16.600.000	19.770.543	119,1	115,4
2	V/c Than	Tkm	6.200.000	4.172.280	67,3	80,8
3	S/c xe ngoài	Lần		12		44,0
II	D. THU TỔNG SỐ	Tr. đồng	246.200	254.979	103,5	103,9
III	LN TRƯỚC THUẾ	Tr. đồng	4.200	4.945	117,7	59,2
IV	TIỀN LƯƠNG BQ	Đ/ng/thg	6.650	6.678	100,4	100,0

Phát triển mở rộng thị trường đưa đón công nhân cho công ty TNHH MTV 86, công ty TNHH MTV 35 và công ty Việtmindô và phục vụ bổ sung các tuyến vận chuyển công nhân cho các khách hàng. Tổ chức tốt dịch vụ tham quan, nghỉ cuối tuần cho công nhân các mỏ và nhân dân trong vùng. Xây dựng, triển khai các phương án điều hành phù hợp với thực tế sản xuất đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

Xây dựng, triển khai phương án đưa đón công nhân công ty CP than Vàng Danh thực hiện từ đầu quý II/2014, tiếp tục xây dựng phương án đưa đón công nhân cho các công ty thuộc Tập đoàn tại khu vực TP Hạ Long. Triển khai xây dựng cơ sở vật chất tại khu vực Khe Ngát, phường Thanh Sơn, TP Uông Bí đảm bảo ổn định sản xuất lâu dài.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, chỉ đạo, định hướng Ban Giám đốc có các biện pháp điều hành hợp lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất. Do vậy, các chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2013 đã đạt và vượt kế hoạch. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin đã tuân thủ theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT. *Ly*

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính cơ bản năm 2013

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán theo số liệu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	năm 2012	năm 2013
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1. Cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,25	23,43
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,78	76,57
<i>1.2. Cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81,5	84,23
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	18,45	15,76
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,23	1,19
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,56	0,75
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,1	0,03
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,8	1,43
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	19,7	11,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,6	1,76

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013:

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
+ Tài sản ngắn hạn	49.843.777.762	48.165.062.446
+ Tài sản dài hạn	133.271.916.703	157.378.522.776
Cộng tài sản	183.115.694.465	205.543.585.222
+ Nợ phải trả	149.314.437.391	173.149.522.386
+ Nguồn vốn chủ sở hữu:	33.801.257.074	32.394.062.836
Cộng nguồn vốn	183.115.694.465	205.543.585.222

ly

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	240.015.193.061	253.303.557.063
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	240.015.193.061	253.303.557.063
4	Giá vốn hàng bán	11	202.281.619.194	207.142.757.863
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.733.573.867	46.160.799.200
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	259.099.646	95.154.037
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	9.947.630.401	14.387.258.347
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	9.909.380.111	13.880.910.906
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.925.072.765	28.001.495.105
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.119.970.347	3.867.199.785
11	Thu nhập khác	31	4.930.037.231	1.581.060.980
12	Chi phí khác	32	702.938.740	503.150.196
13	Lợi nhuận khác	40	4.227.098.491	1.077.910.784
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.347.068.838	4.945.110.569
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.687.470.415	1.318.747.142
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.659.598.423	3.626.363.427
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.964	2.159

Ly

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm công ty không có thay đổi về cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 16,8 tỷ đồng, tương đương 1.680.000 cổ phần,

Trong đó:

- + Cổ đông Tập đoàn : 1.600.000.000 đồng, chiếm 95,24% VDL
- + Cổ đông khác (NLD trong công ty): 800.000.000 đồng, chiếm 4,76% VDL
- * Tổng số cổ phiếu: 1.680.000 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu đang lưu hành 1.680.000 cổ phiếu

Trong đó:

- + Cổ đông Tập đoàn : 1.600.000 cổ phiếu
- + Cổ đông khác (NLD trong công ty): 80.000 cổ phiếu

Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thường, Công ty không có cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ và không có trái phiếu.

4. Mức cổ tức năm 2013: 12%

5. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2013

1. Lợi nhuận trước thuế	4.945.110.569 đồng
2. Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN	329.878 000 đồng
3. Lợi nhuận tính thuế	5. 274.988.569 đồng
4. Thuế thu nhập DN phải nộp (25%)	1.318.747 142 đồng
a) Thuế TNDN phải nộp	1.318 747.142 đồng
b) Thuế TNDN tạm tính được miễn	0
5. Lợi nhuận sau thuế	3.626.363.427 đồng
6. Bù lỗ năm trước (phạt vi phạm thuế theo Biên bản kiểm tra thuế 3 năm 2010 - 2012)	734.228.847 đồng
6. Phân phối lợi nhuận còn lại	2.892.134.580 đồng

TT	NỘI DUNG	TIỀN PHÂN PHỐI (đ)
a	Quỹ dự phòng tài chính (5% LN còn PP)	
b	Chia cổ tức (12% trên vốn góp)	2.016.000.000
c	Bổ sung quỹ đầu tư phát triển (30% LN còn PP - a - b)	262.840.374
d	Bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi	481.831. 206
	Trong đó: - Quỹ khen thưởng	240.000.000
	- Quỹ phúc lợi	241.831.206
e	Trích quỹ khen thưởng viên chức (04 chuyên trách)	131.463.000

ly

IV. Những tiến bộ công ty đã đạt được

4.1. Công tác kế hoạch, điều hành sản xuất đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong quá trình sản xuất; đầu tư thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế phục vụ đưa đón công nhân các mỏ, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo nên dịch vụ tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn mục tiêu hoàn thành kế hoạch với chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế, xây dựng cơ chế bình đẳng giữa các đơn vị, từ đó phát huy tối đa nội lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

4.2. Công tác quản lý:

- Tổ chức, sắp xếp các phân xưởng sản xuất phù hợp với yêu cầu mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý. Tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất, lao động, phụ trợ; đồng thời có kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển Doanh nghiệp. Bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý theo quy định của Tập đoàn và của Nhà nước phù hợp với thực tế của Công ty.

- Kịp thời giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trong Công ty, bàn biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch được giao từ cấp tổ sản xuất đến cấp phân xưởng. Trên cơ sở kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ đề ra, công ty đã chủ động cân đối kế hoạch khoán quản trị và tiết giảm chi phí, giao khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị và đến từng đầu thiết bị. Tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện tiết kiệm chi phí, văn hóa chi tiêu tiết kiệm trong mọi lĩnh vực. Từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác khoán quản trị và tiết giảm chi phí của các đơn vị giúp cho công tác điều hành sản xuất, quản trị chi phí năm 2013 đạt hiệu quả.

- Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, theo đúng quy định. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ kế hoạch SXKD; chủ động thu hồi công nợ, không có nợ xấu; tài chính của Công ty lành mạnh.

- Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán, đến quản lý vật tư; theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ, kịp thời phục vụ sản xuất với giá cả cạnh tranh. Hệ thống kho tàng đã được tu bổ thường xuyên, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát theo đúng quy định của Tập đoàn.

4.3. Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn. *ly*

- Số lượng cán bộ Cán bộ công nhân viên: 828 lao động, Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

4.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Chăm lo đời sống người lao động, bảo đảm tốt điều kiện làm việc, phát triển đội ngũ công nhân lành nghề cũng như đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ưu tiên đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ thợ mỏ. Tiếp tục mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân tại vùng Uông Bí và TP Hạ Long, chuẩn bị tốt các điều kiện để đáp ứng nhu cầu đưa đón công nhân cho các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn và các khách hàng. Đào tạo, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất của công ty. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động các phòng ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. KẾ HOẠCH NĂM 2014

1. Kế hoạch SXKD

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
I	Doanh thu	Tr. đ	261.100
1	VC công nhân	Tr. đ	230.100
2	VC than	Tr. đ	17.500
3	S/c xe ngoài	Tr. đ	12.000
4	Thu khác	Tr. đ	1.500
II	Chi phí	Tr. đ	256.900
III	Lợi nhuận	Tr. đ	4.200
IV	Lao động bình quân	Người	835
V	Thu nhập bình quân	1.000 đ/n/t	6.964
VI	Sản lượng		
1	V/c công nhân		
	Hành khách	Vé	5.800.000
	Tkm vận chuyển công nhân	Tkm	19.500.000
2	Tkm vận chuyển than	Tkm	4.300.000
3	S/c xe ngoài	Lần xe	14

Lg

2. Kế hoạch đầu tư - xây dựng (Theo CV số 1169/TKV-ĐT ngày 05/3/2014 của Tập đoàn về Thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2014)

DVT: Triệu đồng

TÊN CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN			
	DVT	SL	Giá trị	Ngân sách	KH TSCĐ	Vay	Khác
Công trình khởi công mới			62.000			36.240	25.760
XD nhà ĐHSX công ty			30.000			9.880	20.120
ĐTXD nhà xưởng phục vụ điều hành vận tải khu vực Uông Bí			5.000				5.000
Đầu tư 10 xe ô tô chở CN năm 2014	Chiếc	10	21.000			20.500	500
Đầu tư 02 xe ô tô chở than năm 2014		,02	6.000			5.860	140
Tổng cộng			62.000			36.240	25.760

3. Kế hoạch sửa chữa tài sản cấp trung đại tu

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN THIẾT BỊ	DVT	SL	TỔNG NGUỒN VỐN	TỰ LÀM		THUẾ NGOÀI	
					SL	Giá trị	SL	Giá trị
I	Thiết bị vận tải			5.300		5.300		
1	Transico	Xe	10	3.300	10	3.300		
2	Động cơ trung xa	Cụm	10	2.000	10	2.000		
II	Vật thể kiến trúc			1.400				1.400
1	S/c nhà chờ bến xe Cửa Ông			600				600
2	S/c nhà chờ bến xe Cọc Sáu			800				800
	Tổng cộng			6.700		5.300		1.400

+ Các biện pháp chính để thực hiện: Đảm bảo tốt công tác an toàn trong tất cả các lĩnh vực lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là đối với an toàn đưa đón công nhân; nâng cao chất lượng phục vụ; ổn định, mở rộng thị trường đưa đón công nhân; duy trì dịch vụ vận chuyển than tiêu thụ và sửa chữa xe cho khách hàng. Bảo vệ tốt tài sản, giữ vững an ninh chính trị. Phát huy, ngăn ngừa kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội. Tiếp tục hoàn thiện các biện pháp quản trị, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014. *ly*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật về kế toán.

Báo cáo kiểm toán năm 2013. Công ty đã đăng tải toàn bộ Báo cáo Tài chính năm 2013 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty và trên Tạp chí Chứng khoán Việt Nam. Công ty gửi các báo cáo Tài chính, báo cáo Thường niên đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đúng kỳ hạn.

VII. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam, địa chỉ: B1, ngõ 93, đường Cầu Giấy, phường Quan hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

+ Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 03 người. Trong đó, 01 Giám đốc công ty điều hành chung; 01 Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực Sản xuất, An toàn, Đầu tư; 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật, Bảo vệ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các Phân xưởng, phòng ban:

- Các phòng ban Công ty:

1. Văn phòng Giám đốc

2. Phòng Tổ chức - Lao động

3. Phòng Kế hoạch - Đầu tư

4. Phòng Vật Tư

5. Phòng Kế toán - Thống kê

6. Phòng Kỹ thuật

7. Phòng Bảo vệ - Quân sự

8. Phòng Điều hành sản xuất

9. Phòng An toàn

10. Ban Quản lý Chi phí *ly*

- Các Phân xưởng:


- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| 1. Phân xưởng Vận tải ô tô số 1 | 6. Phân xưởng Vận tải ô tô số 6 |
| 2. Phân xưởng Vận tải ô tô số 2 | 7. Phân xưởng Vận tải ô tô số 8 |
| 13. Phân xưởng Vận tải ô tô số 3 | 8. Phân xưởng sửa chữa ô tô số 1 |
| 4. Phân xưởng Vận tải ô tô số 4 | 9. Phân xưởng sửa chữa ô tô số 2 |
| 5. Phân xưởng Vận tải ô tô số 5 | 10. Phân xưởng Phục vụ |

2. Tóm tắt lý lịch Chủ tịch HĐQT, Ban điều hành (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

2.1. Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên : **Lê Quang Bình**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMTND: 091033452
- Ngày cấp: 13/3/2003
- Nơi cấp : Công an tỉnh Thái Nguyên
4. Ngày tháng năm sinh: 25/12/1964
5. Nơi sinh : Sơn Bằng - Hương Sơn - Hà Tĩnh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Sơn Bằng - Hương Sơn - Hà Tĩnh
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 2, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 3851 5807
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Mô, Kỹ sư Máy mô, Kỹ sư Khai thác mỏ
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

2.2. Giám đốc

1. Họ và tên: **Phan Văn Cường**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMTND : 100232950 

- Ngày cấp: 31/3/2004
- Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- 4. Ngày tháng năm sinh: 24/01/1965
- 5. Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- 6. Quốc tịch: Việt Nam
- 7. Dân tộc : Kinh
- 8. Quê quán: Sơn Hoà, Hương Sơn, Nghệ Tĩnh
- 9. Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu Hoà Lạc, Phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- 10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0333 716 771
- 11. Trình độ văn hoá : 10/ 10
- 12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô và Máy kéo
- 13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không


2.3. Phó Giám đốc

- 1. Họ và tên: **Lương Văn Hiếu**
- 2. Giới tính : Nam
- 3. Số CMTND: 100544450
 - Ngày cấp : 26/3/2004
 - Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- 4. Ngày tháng năm sinh: 06/10/1963
- 5. Nơi sinh : Thái Thọ, Thái Thụy, Thái Bình
- 6. Quốc tịch: Việt Nam
- 7. Dân tộc : Kinh
- 8. Quê quán : Tân Tiến, Hưng Hà, Thái Bình
- 9. Địa chỉ thường trú : Tổ 5, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- 10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 716 764
- 11. Trình độ văn hoá : 10/10
- 12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- 13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

2.4. Phó giám đốc

1. Họ và tên: **Hoàng Minh Sơn**
2. Giới tính : Nam
3. Số CMND: 100504760
- Ngày cấp: 28/7/1993
- Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
4. Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
5. Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán: Hoà Tân, Ứng Hoà, Hà Nội
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0333 862 278
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Ôtô
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

2.5. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: **Vũ Thị Thu Thủy**
2. Giới tính : Nữ
3. Số CMTND : 100094172
- Ngày cấp: 31/10/2003
- Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
4. Ngày tháng năm sinh: 03/01/1960
5. Nơi sinh : TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán: Đức Hợp, Kim Thi, Hưng Yên
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 4 khu 5A, phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0333 716 768
11. Trình độ văn hoá : 10/10 

12. Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

VIV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

a) Hội đồng quản trị

- Ông Lê Quang Bình: Chủ tịch HĐQT

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 1.600.000 cổ phần

- Ông Phan Văn Cường: Ủy viên HĐQT

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 550 cổ phần

- Ông Hoàng Minh Sơn: Ủy viên HĐQT

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 550 cổ phần

* Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Ngay sau Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ và kế hoạch 2013.

+ Họp 15 phiên trực tiếp, ban hành 11 Nghị quyết, ra quyết định đầu tư và phê duyệt dự toán, quyết toán đầu tư phục vụ kịp thời cho việc đầu tư mua sắm phục vụ sản xuất của công ty.

+ Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm cho Ban Giám đốc. Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng ban, phân xưởng. Kịp thời ra các nghị quyết và ban hành các quyết định quản lý, các biện pháp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

+ Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm kiểm điểm các mặt hoạt động công tác trong tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những mặt được và chưa được để có những uốn nắn, rút kinh nghiệm.

b) Ban Kiểm soát

- Ông Phạm Xuân Phong: Trưởng ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+Sở hữu cá nhân:

- Ông Nguyễn Ngọc Thành: Ủy viên Ban kiểm soát

- + Số cổ phần đang nắm giữ:
- + Sở hữu cá nhân : 100 cổ phần
- Bà Trịnh Thị Huệ: Ủy viên Ban kiểm soát
 - + Số cổ phần đang nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần

*** Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty.

- Tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, có ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT, Ban giám đốc đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện cho BKS thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tình hình SXKD của Giám đốc công ty. Kết quả, các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động SXKD và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo.

- Kết hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty để kiểm soát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tập đoàn, nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước.

- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành, báo cáo hoạt động SXKD và báo cáo tài chính của công ty năm 2013. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam phát hành.

- Trong năm 2013, BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. *ly*

- **Chứng chỉ đào tạo:** 100% các thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đi qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

- **Các thông tin khác:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: Không có sự thay đổi

- Hiện nay các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, BKS Công ty chưa có giao dịch cổ phiếu.

2. Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý có liên quan khác

Thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký theo đúng Nghị quyết, cụ thể:

TT	CHỨC DANH	MỨC THÙ LAO (Đồng/ Người/ Tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	$7,30 \times 1.150.000 \times 30\% = 2.518.000$
2	Ủy viên HĐQT	$6,31 \times 1.150.000 \times 30\% = 2.117.000$
3	Trưởng BKS	$6,31 \times 1.150.000 \times 30\% = 2.117.000$
4	Ủy viên BKS, Thư ký	$5,98 \times 1.150.000 \times 30\% = 2.063.000$

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn

3.1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ: 226 - Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2011.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Chuẩn, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Phần vốn góp (1.000đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tư cách cổ đông
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	16.000.000	95,24	1.600.000	Cổ đông sáng lập
2	Người lao động trong Công ty	800.000	4,76	80.000	Cổ đông phổ thông
	Cộng	16.800.000	100	1.680.000	

ly

3.2. Cổ đông góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam,

Địa chỉ: 226 – Lê Duẩn - Đống Đa – Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2011.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Chuẩn, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Danh sách Cổ đông sáng lập (thời điểm 31/12/2013)

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ vốn điều lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam	1.600.000	16.000.000.000	95,24%

5.3. Cổ đông góp vốn nước ngoài: Không có

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin xin được kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP, TK HĐQT.

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Cường